TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-02-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Lâm**.

2/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Ông **Kim Quang Phong** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim Q**, sinh năm 2000. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Công N**, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Ngọc Q**, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp I, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

4. Người làm chứng: Bà **Lê Thị U**, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp I, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kim Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Công N thành hôn vào năm 2019, do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh

Vĩnh Long vào ngày 23/12/2019. Thời gian chung sống được 04 năm, lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không còn hạnh phúc, thường xuyên cự cãi do anh N không lo làm ăn, không quan tâm vợ con và vợ chồng ly thân từ tháng 7/2023 đến nay không hàn gắn lại được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Huỳnh Công N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Bảo N, sinh ngày 28/7/2023 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Có nợ anh Trần Ngọc Q 15.000.000đ, yêu cầu anh N phụ trả nợ cho anh Q 7.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Q trình bày: Vào ngày 17/4/2024 anh có cho vợ chồng N và Q mượn số tiền 15.000.000đ. Nay giữa N và Q có yêu cầu giải quyết ly hôn, do là anh em trong nhà nên anh tự thoả thuận trả nợ. Nếu sau này N và Q không trả số tiền trên cho anh thì anh sẽ khởi kiện vụ kiện khác, anh không yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 31/12/2024, người làm chứng bà Lê Thị U trình bày: bà là mẹ ruột của chị Trần Thị Kim Q. Giữa anh N và chị Q thành hôn có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi thành hôn thì vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, chị Q về nhà mẹ ruột sống do anh N không lo làm ăn, không chăm lo gì cho vợ con, gia đình đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành, anh N vẫn không sửa đổi tính tình. Về con chung của chị Q và anh N có 01 con chung hiện đang sống với chị Q và bà từ lúc mới sinh đến giờ, điều kiện sống của cháu được đảm bảo, cháu phát triển tốt về mọi mặt. Về tài sản chung của vợ chồng không có. Về nợ chung thì có nợ anh ruột chị Q.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị Kim Q vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Công N do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, gia đình hai bên đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng không được, anh N có sử dụng ma tuý, chị khuyên can nhiều lần nhưng anh N vẫn còn sử dụng. Về con chung yêu cầu được tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật

Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do dù Toà án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Trần Thị Kim Q được ly hôn với anh Huỳnh Công N. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Bảo N, sinh ngày 28/7/2023 cho chị Trần Thị Kim Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Công N có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Q nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trần Thị Kim Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Huỳnh Công N cư trú ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Huỳnh Công N được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Ngọc Q có đơn xin vắng mặt ngày 30/12/2024. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Ngọc Q.

[1.4] Người làm chứng bà Lê Thị U vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà U đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Kim Q và anh Huỳnh Công N thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 vào ngày 23/12/2019 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh N là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Q và anh N thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do anh N không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con và vợ chồng ly thân từ tháng 7/2023 đến nay không hàn gắn được, gia đình hai bên cũng đã tạo điều kiện để chị Q và anh N hàn gắn đoàn tự nhưng không thành. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh N vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị Q và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị Q là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Huỳnh Bảo N, sinh ngày 28/7/2023 hiện đang sống trực tiếp với chị Q, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo. Chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị Trần Thị Kim Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Kim Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Trần Thị Kim Q trình bày có nợ anh Trần Ngọc Q 15.000.000đ. Anh Trần Ngọc Q không yêu cầu chị Q và anh N có nghĩa vụ trả nợ và tại phiên toà chị Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Kim Q có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Kim Q. Xử cho chị Q ly hôn với anh Huỳnh Công N.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Huỳnh Bảo N, sinh ngày 28/7/2023 cho chị Trần Thị Kim Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Công N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chị Trần Thị Kim Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung:

Chị Trần Thị Kim Q và anh Trần Ngọc Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trần Thị Kim Q có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0010976 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 23/12/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thuý An